DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số: 45/QĐ - VPCNCL ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Vi sinh**

Medical Testing Laboratory: ***Microbiology of Department***

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Nhi Đồng thành phố**

Organization: ***City Children's Hospital***

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**

Field of medical testing: ***Microbiology***

Người phụ trách/ *Representative:* **Võ Minh Hiển**

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	**Võ Minh Hiển**	Các xét nghiệm được công nhận *All Accredited medical tests*
2.	**Võ Phúc Mỹ**	
3.	**Phạm Thị Chinh**	
4.	**Bùi Thị Tuyết Hằng**	
5.	**Trần Thị Tuyết Trinh**	
6.	**Trần Văn Hoàng**	
7.	**Đỗ Nguyễn Thùy Uyển**	
8.	**Nguyễn Thị Bé Nga**	
9.	**Đào Thị Anh Thư**	
10.	**Trần Thị Ngọc Mi**	
11.	**Nguyễn Phú Thành**	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS Med 184**

Hiệu lực công nhận có giá trị từ/ Period of Accreditation is valid from: 14/11/2023 đến/to: 13/11/2026

Địa chỉ/ *Address*: **Số 15, đường Võ Trần Chí, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. HCM**

Địa điểm/ *Location:* **Số 15, đường Võ Trần Chí, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. HCM**

Điện thoại/ Tel: **028 22536688 (8151)** Fax:

E-mail: **bsvominhhien@gmail.com** Website: **www.bvndtp.org.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 184

Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh

Discipline of medical testing: Microbiology

STT *No.*	**Loại mẫu (chất chống đông-nếu có)** ***Type of sample (anticoagulant-if any)***	**Tên các chỉ tiêu xét nghiệm** ***(The name of medical tests)***	**Kỹ thuật xét nghiệm** ***(Technical test)***	**Phương pháp xét nghiệm** ***(Test method)***
1.	**Nước tiểu** ***Urine***	Cấy nước tiểu *Urine culture*	Nuôi cấy, phân lập *Culture, Isolation*	QTKT.XN.VS.39 (2023)
2.	**Dịch não tuỷ** ***Cerebrospinal fluid***	Cấy dịch não tuỷ *Cerebrospinal fluid culture*	Nuôi cấy, phân lập *Culture. Isolation*	QTKT.XN.VS.34 (2023)
3.	**Máu** ***Blood***	Cấy máu *Blood culture*	Nuôi cấy, phân lập *Culture. Isolation*	QTKT.XN.VS.37 (2023) (Bactec fx)
4.	**Chủng vi khuẩn phân lập từ mẫu dịch não tủy, máu, nước tiểu (*Strain isolated from urine, Cerebrospinal fluid, blood sample)***	Định danh vi khuẩn tự động *Automated identification of bacteria* Kháng sinh đồ MIC *Automatic antimicrobial susceptibility testing*	Định danh – kháng sinh đồ *Identification - antimicrobial susceptibility testing*	QTKT.XN.VS.31 (2023) (WalkAway)
5.	**Máu, dịch não tuỷ, dịch vô trùng** **Blood, *Cerebrospinal fluid, Sterile fluid***	Phát hiện vi khuẩn Phương pháp nhuộm Gram *Detection of Bacteria* *Gram stain method*	Nhuộm Gram *Gram stain*	QTKT.XN.VS.50 (2023)

Ghi chú/ *Note:* QTKT.XN.VS: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*